

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



TRIỆU QUANG MINH

Sử dụng thí nghiệm mô phỏng vật lý trong dạy học chương “Cảm ứng điện từ” lớp 11 THPT nhằm tổ chức hoạt động học tập tích cực cho học sinh trường Văn hóa I - Bộ Công an

Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học Vật lí

Mã số: 60.14.01.11

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: TS. BÙI VĂN THIÊN

THÁI NGUYÊN - 2013

MỞ ĐẦU

I. Lý do chọn đề tài

Đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) trong những năm gần đây đã trở thành vấn đề cấp thiết đang được các cấp, các ngành quan tâm. Sự phát triển giáo dục đòi hỏi phải đổi mới việc giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ một cách toàn diện, theo kịp thực tế phát triển của sản xuất và đời sống trong xã hội. Tại nghị quyết TW khoá VII đã ghi rõ “Cần đổi mới phương pháp dạy và học ở tất cả các cấp học và bậc học. Kết hợp tốt việc học với hành, học tập với lao động sản xuất, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học, gắn nhà trường với xã hội. Áp dụng phương pháp giáo dục hiện đại để bồi dưỡng cho học sinh năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề”.

Vậy, làm thế nào để hình thành và phát triển năng lực tự học và sáng tạo cho học sinh (HS)? Vấn đề này đã được nhiều nhà giáo dục trên thế giới đề cập đến từ rất lâu. Trong quá trình tìm tòi phương pháp nhằm phát triển năng lực sáng tạo cho HS, nhiều nhà sư phạm đã khẳng định: muốn phát huy tính tích cực cho HS thì tốt hơn hết là phải tổ chức cho HS hoạt động học tập theo con đường sáng tạo của các nhà khoa học. Phải tạo các điều kiện cho HS tự học và sáng tạo. Một trong những điều kiện giúp HS học tập tích cực là sử dụng các thí nghiệm mô phỏng (TNMP).

Ưu điểm của việc sử dụng TNMP là giáo viên (GV) có thể giúp HS hiểu rõ đối tượng nghiên cứu, vì TNMP sinh động, dễ gây ấn tượng và thích thú cho HS, có thể kích thích sự tìm tòi, say mê nghiên cứu để suy luận ra kiến thức vật lý mới, từ đó có thể phát triển được năng lực sáng tạo cho HS.

Trong chương trình Vật lý 11 THPT, chương “*Cảm ứng điện từ*” được cho là khó, có nhiều kiến thức rất trừu tượng. Nếu như chỉ dạy theo phương pháp truyền thống thì HS rất khó tiếp thu được nhiều kiến thức. Với đối tượng HS tại trường Văn hóa I - Bộ Công an là con em dân tộc các tỉnh miền núi, điều kiện học tập của các em không được đầy đủ, việc tiếp cận với các môn Khoa học tự nhiên, đặc biệt là môn Vật lý mang tính thực nghiệm cao còn nhiều hạn chế. Vì vậy, việc sử dụng các TNMP trong dạy học chương này sẽ có rất nhiều tác dụng trong việc tạo điều kiện cho HS hoạt động học tập tích cực.

Với những lý do trên, chúng tôi đã chọn vấn đề: “*Sử dụng thí nghiệm mô phỏng vật lý trong dạy học chương “Cảm ứng điện từ” lớp 11 THPT nhằm tổ chức hoạt động học tập tích cực cho học sinh trường Văn hóa I - Bộ Công an*” làm đề tài nghiên cứu của

mình.

II. Mục đích của đề tài

Nghiên cứu phối hợp sử dụng thí nghiệm thật và TNMP trong dạy học chương “Cảm ứng điện từ” (Vật lí 11 - Cơ bản), nhằm tổ chức hoạt động học tập tích cực cho học sinh trường Văn hóa I - Bộ Công an (VHI - BCA).

III. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

Khách thể: Hoạt động dạy học ở trường VHI - BCA.

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu phối hợp sử dụng thí nghiệm thật và TNMP khi dạy học chương “Cảm ứng điện từ” (Vật lí 11 - Cơ bản) cho HS trường VHI - BCA.

IV. Giả thuyết khoa học

Nếu thiết kế tốt phương án phối hợp sử dụng thí nghiệm thật và TNMP trong dạy học chương “Cảm ứng điện từ” thì sẽ tổ chức được hoạt động học tập tích cực cho HS trường VHI - BCA.

V. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích đề ra, đề tài có nhiệm vụ chủ yếu sau:

Nghiên cứu lí luận về hoạt động học tập tích cực của HS.

Nghiên cứu lí luận về phát triển tư duy Vật lí cho HS theo quan điểm hiện đại.

Nghiên cứu lí luận và thực tiễn về sử dụng TNMP trong dạy học Vật lí.

Điều tra thực trạng dạy học chương “Cảm ứng điện từ” ở trường Văn hóa I - Bộ Công an.

Đề xuất phương án phối hợp sử dụng thí nghiệm thật với TNMP khi dạy học chương “Cảm ứng điện từ” (Vật lí 11 - Cơ bản), nhằm tổ chức hoạt động học tập tích cực, phát triển năng lực tư duy đối với môn vật lí cho HS trường Văn hóa I - Bộ Công an.

Soạn một số giáo án theo hướng của đề tài.

Thực nghiệm sư phạm.

VI. Giới hạn của đề tài

Nghiên cứu việc phối hợp sử dụng thí nghiệm và TNMP nhằm tổ chức hoạt động học tập tích cực cho HS trường VHI - BCA.

VII. Phương pháp nghiên cứu

a) Phương pháp nghiên cứu lí luận

Tham khảo sách báo, tạp chí chuyên ngành về vấn đề phát triển tư duy vật lí và các phương pháp dạy học tích cực.

Tham khảo tài liệu về hiện tượng cảm ứng điện từ.

Tham khảo tài liệu về TNMP phần cảm ứng điện từ.

b) Phương pháp tổng kết kinh nghiệm, điều tra quan sát

Tổng kết kinh nghiệm qua những năm trực tiếp giảng dạy, qua dự giờ, trao đổi kinh nghiệm với một số GV ở trường VHI - BCA.

Phỏng vấn GV và HS để nắm tình hình dạy và học chương “Cảm ứng điện từ” (Vật lí 11 - cơ bản) và phối hợp sử dụng thí nghiệm thật với TNMP ở trường VHI - BCA.

Qua đó thống kê những khó khăn và nhược điểm, hạn chế, từ đó đề xuất phương án khắc phục tích cực.

c. Phương pháp thực nghiệm

Làm thực nghiệm sư phạm để kiểm tra, đánh giá giả thuyết khoa học đã đề ra.

Ứng dụng phương pháp thống kê toán học xử lý và phân tích các số liệu thực nghiệm.

VIII. Những đóng góp của luận văn

Xây dựng phương án phối hợp sử dụng thí nghiệm thật và TNMP trong dạy học chương “Cảm ứng điện từ” (Vật lí 11 - Cơ bản), nhằm tổ chức hoạt động học tập tích cực đối với môn Vật lí cho HS trường VHI - BCA.

Vận dụng cơ sở lý luận, luận văn đã thiết kế và thực nghiệm (TN) tiến trình dạy học hai bài cụ thể thực hiện mục đích đề tài đặt ra.

IX. Cấu trúc của luận văn

Luận văn gồm phần mở đầu và phần nội dung. Trong đó phần nội dung gồm 3 chương cụ thể như sau:

Chương I: Cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài.

Chương II: Phối hợp sử dụng thí nghiệm thật và TNMP trong dạy học chương “Cảm ứng điện từ” (Vật lí 11 - Cơ bản).

Chương III: Thực nghiệm sư phạm

Phần kết luận và kiến nghị, danh mục các tài liệu tham khảo, phần phụ lục.

CHƯƠNG I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. HOẠT ĐỘNG HỌC

1.1.1. Khái niệm hoạt động học

Khi nói đến hoạt động học cần làm rõ khái niệm học và khái niệm hoạt động học. Trong cuộc sống đời thường con người luôn luôn có quá trình tiếp thu, tích lũy những kinh nghiệm sống, trên cơ sở đó tạo nên những tri thức tiền khoa học, làm cơ sở tiếp thu những khái niệm khoa học trong nhà trường. Trên thực tế, chỉ có phương thức đặc thù (phương thức nhà trường) mới có khả năng tổ chức để cá nhân tiến hành hoạt động đặc biệt đó là hoạt động học, qua đó hình thành ở cá nhân những tri thức khoa học, năng lực mới phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn. Trong tâm lý học sư phạm, hoạt động học là khái niệm chính được dùng để chỉ hoạt động học diễn theo phương thức đặc thù, nhằm chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.

1.1.2. Tính tích cực trong hoạt động học tập

1.1.2.1. Tính tích cực

Là khái niệm biểu thị sự nỗ lực của chủ thể khi tương tác với đối tượng. Tính tích cực cũng là khái niệm biểu thị cường độ vận động của chủ thể khi thực hiện một nhiệm vụ, giải quyết một vấn đề nào đấy. Là một phẩm chất rất quan trọng của con người được hình thành từ rất nhiều lĩnh vực, nhiều nhân tố, có quan hệ với rất nhiều phẩm chất khác nhau của nhân cách và với môi trường, điều kiện mà chủ thể hoạt động và tồn tại.

1.1.2.2. Tính tích cực của học sinh

Tính tích cực của học sinh (HS) đã được các tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu trên nhiều góc độ khác nhau. Theo Aristova thì có tính tích cực trong nhận thức, học tập chính là có thái độ cải tạo sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Chính thái độ mong muốn cải tạo thế giới này mới giúp con người không ngừng học tập để chinh phục thiên nhiên, đưa xã hội ngày càng phát triển. Vì vậy, tính tích cực học tập của HS là một yêu cầu rất quan trọng bên cạnh việc dạy học tích cực của giáo viên (GV) trong thời đại hiện nay. Aristova cho rằng tính tích cực học tập được chia ra làm hai dạng: Tích cực học tập bên trong và tích cực học tập bên ngoài.

Tính tích cực bên trong: Được thể hiện ở sự căng thẳng về trí lực, những hành động và thao tác nhận thức từ cảm giác, tri giác đến tư duy, tưởng tượng. Đồng thời còn thể hiện ở nhu cầu bền vững đối với đối tượng nhận thức, ở thái độ học tập ra quyết định trong

những tình huống có vấn đề, tìm kiếm con đường, phương tiện để giải quyết vấn đề, sự độc đáo trong giải quyết vấn đề.

Tính tích cực học tập bên ngoài: Được thể hiện ở đặc điểm hành vi như: nhịp độ, cường độ học tập cao, người học rất năng động, luôn hành động và hoàn thành những công việc được giao với sự chú ý cao độ.

Cụ thể là người HS thể hiện tính tích cực của mình như sau:

- Xác định rõ mục đích học tập, các yêu cầu của hoạt động này, nắm vững biện pháp để đạt được mục đích đó.

- HS phải tự giác, chủ động, độc lập trong học tập, có nhu cầu nhận thức cao. Nghĩa là HS phải luôn thực hiện tốt nhiệm vụ học tập của mình, hăng hái tìm đọc thêm các tài liệu, vui vẻ tham gia các hoạt động nội, ngoại khóa... để phục vụ việc học tập của mình. Chỉ tìm đến sự giúp đỡ của GV khi thực sự bế tắc.

- Có động cơ học tập đúng đắn: học để chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và hoàn thiện nhân cách theo yêu cầu xã hội.

- Chăm chú nghe giảng, hăng hái phát biểu xây dựng bài; đào sâu suy nghĩ, đặt ra những câu hỏi, lật lại vấn đề nếu chưa thấy hài lòng với những kiến thức GV truyền đạt để xem GV dạy có đúng không, sách viết có đúng không. Nghĩa là luôn luôn có óc hoài nghi khoa học, thích tìm hiểu, khám phá, không thụ động chấp nhận một cách máy móc những gì thầy cô dạy. Bởi “hỏi một câu chỉ đốt trong chốc lát, nhưng nếu không hỏi sẽ đốt suốt đời” (ngạn ngữ phương Tây).

- HS còn phải biết lập ra kế hoạch học tập phù hợp: phải đặt cho mình một chương trình làm việc từng ngày, từng tuần, tháng, năm. Có những hình thức tự học phù hợp (ngoài yêu cầu tự học của GV), tích cực tham gia các hoạt động học tập tích cực.

- Có ý chí vượt qua những khó khăn bên ngoài và khó khăn bên trong. Biết chủ động tìm ra cái mới, thiết lập mối quan hệ giữa tri thức cũ và tri thức mới bằng cách: lập đề cương, hệ thống hóa kiến thức, tóm tắt... Để từ đó có thể dễ dàng vận dụng một cách linh hoạt trong việc giải quyết các tình huống, nhiệm vụ lý luận, thực tiễn trong học tập cũng như cuộc sống hằng ngày.

- Bên cạnh đó, một điều quan trọng là HS phải luôn tự kiểm tra đánh giá việc học của mình để có hướng phấn đấu và rèn luyện.

1.2. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1.2.1. Khái niệm phương pháp dạy học

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về PPDH

PPDH là cách thức tương tác giữa GV và HS nhằm giải quyết các nhiệm vụ giáo dục, giáo dục và phát triển trong quá trình dạy học (Iu.K. Babanski 1983).

PPDH là cách thức tương hỗ giữa thầy và trò nhằm đạt được mục đích dạy học. Hoạt động này được thể hiện trong việc sử dụng các nguồn nhận thức, cách thủ thuật logic, các dạng hoạt động độc lập của HS và cách thức điều khiển quá trình nhận thức của GV (I.D. Dverev - 1980).

PPDH là một hệ thống những hành động có mục đích của GV nhằm tổ chức hoạt động nhận thức và thực hành của HS, đảm bảo cho HS lĩnh hội nội dung học vấn. (I. Ia - Lecne - 1981).

PPDH bao gồm PP dạy và PP học.

PP dạy là cách thức GV chuyên gia otri thức, tổ chức, kiểm tra (KT) hoạt động nhận thức của HS nhằm đạt được các nhiệm vụ dạy học.

PP học là cách thức làm việc của HS: Tiếp thu, tự tổ chức, tự thiết kế và thi công quá trình học tập nhằm đạt được các nhiệm vụ học tập.

Mặc dù có rất nhiều ý kiến về định nghĩa khái niệm PPDH, song các tác giả đều thừa nhận rằng PPDH có những dấu hiệu đặc trưng sau:

- Phản ánh sự vận động của nội dung đã được nhà trường quy định.
- Phản ánh sự vận động của quá trình nhận thức của HS nhằm đạt được mục đích đề ra.
- Phản ánh cách thức trao đổi thông tin giữa GV và HS.
- Phản ánh cách thức điều khiển hoạt động nhận thức: Kích thích và xây dựng động cơ, tổ chức hoạt động nhận thức, kiểm tra và đánh giá kết quả hoạt động [5], [21].

1.2.2. Phương pháp dạy học tích cực

PPDH tích cực là một thuật ngữ rút gọn, được dùng ở nhiều nước để chỉ những phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. "Tích cực" trong PPDH được dùng với nghĩa là hoạt động, chủ động, trái nghĩa với không hoạt động, thụ động chứ không dùng theo nghĩa trái với tiêu cực.

PPDH tích cực hướng tới việc hoạt động hóa, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học, nghĩa là tập trung vào phát huy tính tích cực của người học chứ không phải là tập trung vào phát huy tính tích cực của người dạy, tuy nhiên để dạy học theo phương pháp tích cực thì GV phải nỗ lực nhiều so với dạy theo phương pháp thụ động.

Muốn đổi mới cách học phải đổi mới cách dạy. Cách dạy chỉ đạo cách học, nhưng ngược lại thói quen học tập của trò cũng ảnh hưởng tới cách dạy của thầy. Chẳng hạn, có

trường hợp học sinh đòi hỏi cách dạy tích cực hoạt động nhưng GV chưa đáp ứng được, hoặc có trường hợp GV hăng hái áp dụng PPDH tích cực nhưng không thành công vì HS chưa thích ứng, vẫn quen với lối học tập thụ động. Vì vậy, GV phải kiên trì dùng cách dạy hoạt động để dần dần xây dựng cho HS phương pháp học tập chủ động một cách vừa sức, từ thấp lên cao. Trong đổi mới PPDH phải có sự hợp tác cả của thầy và trò, sự phối hợp nhịp nhàng hoạt động dạy với hoạt động học thì mới thành công. Như vậy, việc dùng thuật ngữ "Dạy và học tích cực" là để phân biệt với "Dạy và học thụ động".

Từ thập kỉ cuối cùng của thế kỷ XX, các tài liệu giáo dục ở nước ngoài và trong nước, một số văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo thường nói tới việc cần thiết phải chuyển dạy học lấy GV làm trung tâm sang dạy học lấy HS làm trung tâm.

Dạy học lấy HS làm trung tâm còn có một số thuật ngữ tương đương như: dạy học tập trung vào người học, dạy học căn cứ vào người học, dạy học hướng vào người học... Các thuật ngữ này có chung một nội hàm là nhấn mạnh hoạt động học và vai trò của HS trong quá trình dạy học, khác với cách tiếp cận truyền thống lâu nay là nhấn mạnh hoạt động dạy và vai trò của GV.

Lịch sử phát triển giáo dục cho thấy, trong nhà trường một thầy dạy cho một lớp đông học trò, cùng lứa tuổi và trình độ tương đối đồng đều thì GV khó có điều kiện chăm lo cho từng HS nên đã hình thành kiểu dạy "Thông báo - đồng loạt". GV quan tâm trước hết đến việc hoàn thành trách nhiệm của mình là truyền đạt cho hết nội dung quy định trong chương trình và sách giáo khoa (SGK), cố gắng làm cho mọi HS hiểu và nhớ những điều GV giảng. Cách dạy này là cách học tập thụ động, thiên về ghi nhớ, làm cho HS ít chịu suy nghĩ, cho nên đã hạn chế chất lượng, hiệu quả dạy và học, không đáp ứng yêu cầu phát triển năng động của xã hội hiện đại. Để khắc phục tình trạng này, các nhà sư phạm kêu gọi phải phát huy tính tích cực chủ động của HS, thực hiện "dạy học phân hóa" quan tâm đến nhu cầu, khả năng của mỗi cá nhân học sinh trong tập thể lớp. PPDH tích cực, dạy học lấy HS làm trung tâm ra đời từ bối cảnh đó.

Trên thực tế, trong quá trình dạy học người học vừa là đối tượng của hoạt động dạy, lại vừa là chủ thể của hoạt động học. Thông qua hoạt động học, dưới sự chỉ đạo của thầy, người học phải tích cực chủ động cải biến chính mình về kiến thức, kỹ năng, thái độ, hoàn thiện nhân cách, không ai làm thay cho mình được. Vì vậy, nếu người học không tự giác chủ động, không chịu học, không có phương pháp học tốt thì hiệu

quả của việc dạy sẽ rất hạn chế.

Như vậy, khi đã coi trọng vị trí hoạt động và vai trò của người học thì đương nhiên phải phát huy tính tích cực chủ động của người học. Tuy nhiên, dạy học lấy HS làm trung tâm không phải là một PPDH cụ thể. Đó là một tư tưởng, quan điểm giáo dục, một cách tiếp cận quá trình dạy học chi phối tất cả quá trình dạy học về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, tổ chức, đánh giá... chứ không phải chỉ liên quan đến PPDH.

1.3. ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỌC SINH TRƯỜNG VĂN HÓA I - BỘ CÔNG AN

1.3.1. Đặc điểm chung của học sinh trường Văn hóa I - Bộ Công an

Trường Văn hóa I - Bộ Công an (VHI - BCA) có 100% HS là người dân tộc ít người, ngôn ngữ giao tiếp hằng ngày trong cuộc sống trước khi xuống trường thường dùng tiếng của dân tộc mình. Vì thế khi tập trung đến trường học tập nội trú, vốn tiếng Việt của các em còn hạn chế.

Các em là HS miền núi, ít được hoạt động giao tiếp, ít được tiếp xúc với các loại máy móc hiện đại, cũng như các ứng dụng khoa học tiên tiến (vì chủ yếu các em sống ở trong các làng bản ít người, địa hình không thuận lợi).

Các kiến thức, thông tin về khoa học kỹ thuật, về hiểu biết xã hội còn ít. Chủ yếu các thông tin thu được từ các kênh thông tin đại chúng như qua phát thanh, truyền hình do nhà trường tổ chức [11], [12].

1.3.2. Đặc điểm tư duy của học sinh trường Văn hóa I - Bộ Công an

Khả năng phân tích, tổng hợp và khái quát còn phát triển chậm, điểm yếu cơ bản là thiếu toàn diện khi các em phân tích, tổng hợp, khái quát.

Là HS miền núi ở các vùng đặc biệt khó khăn, do đó HS trường VHI - BCA có sự lĩnh hội tri thức chỉ đạt tới mức gần trung bình. Thực tế trong việc học các môn Toán, Lí, Hoá và khái niệm khoa học, các em thường cho rằng “khó hiểu”. Điều này cho thấy rõ hơn việc HS hiểu và nắm vững khái niệm có sự phụ thuộc vào vốn kinh nghiệm sẵn có của các em.

Từ sự phân tích đặc điểm nhận thức của HS miền núi qua các kết quả nghiên cứu của một số nhà khoa học đã cho thấy: Khả năng tư duy kinh nghiệm của HS miền núi đạt mức cao so với trình độ chung của lứa tuổi. Khả năng tư duy lý luận còn thấp so với yêu cầu; trình độ các thao tác tư duy, khả năng phân tích, tổng hợp, khái quát nhiều khi thiếu

toàn diện, hệ thống. Tri thức, thói quen được hình thành bằng con đường kinh nghiệm ảnh hưởng đến quá trình tiến hành các thao tác trí tuệ của HS miền núi. Đồng thời những đặc điểm của quá trình nhận thức của HS miền núi chi phối mạnh mẽ các thuộc tính tâm lí khác như: Khả năng ghi nhớ có chủ định chậm được hình thành, khả năng tự điều chỉnh ghi nhớ có ý thức của HS còn yếu. Do kinh nghiệm nghèo nàn, nên tưởng tượng của HS miền núi còn mờ nhạt, thiếu sinh động (thể hiện rõ nhất trong các bài văn). Đặc biệt sự tác động qua lại giữa quá trình nhận thức và sự phát triển ngôn ngữ của HS miền núi có một điểm hết sức cần lưu ý: Ngôn ngữ phát triển thì quá trình nhận thức cũng phát triển và nó làm cho vốn ngôn ngữ càng phong phú thêm. Song đối với HS miền núi lại gặp khó khăn. Như vậy ở một góc độ nhất định do HS miền núi phần đa là HS dân tộc thiểu số, nên khi ở gia đình các em thường sử dụng tiếng mẹ đẻ là tiếng dân tộc mình, khi đi học quá trình nhận thức, tiếp thu tri thức lại diễn ra bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Như vậy ở một góc độ nhất định, sự giao thoa ngôn ngữ gây khó khăn cho hoạt động nhận thức khi mà công cụ tư duy bị hạn chế.

Nhìn chung, chất lượng học tập của HS miền núi còn thấp, tỉ lệ ra lớp thấp; điều kiện học tập của HS miền núi còn khó khăn, giáo dục miền núi còn nhiều vấn đề phải giải quyết đòi hỏi các giải pháp đồng bộ. Nhiệm vụ giáo dục, dạy học ở miền núi hiện nay yêu cầu phải có cách làm phù hợp, đặc biệt quá trình đổi mới chương trình giáo dục phổ thông đang diễn ra đòi hỏi phải có định hướng và giải pháp cụ thể để giáo dục miền núi hoà nhập với mặt bằng chung của cả nước về chất lượng giáo dục[11], [12]

.1.3.3. Đặc điểm nhận thức của học sinh trường Văn hóa I - Bộ Công an

Trước hết, chúng ta đi tìm hiểu đặc điểm nhận thức của học sinh dân tộc nội trú (DTNT):

Theo X.M. Aruchiunhian: Đặc trưng tâm lí dân tộc là những sắc thái dân tộc độc đáo của tình cảm và xúc cảm, là cách nghĩ và hành động, là những nét tâm lí bền vững của thói quen, là truyền thống được hình thành dưới ảnh hưởng những điều kiện của đời sống vật chất, những đặc điểm của con đường phát triển lịch sử của dân tộc nhất định và được biểu hiện trong đặc trưng văn hoá và sinh hoạt của dân tộc đó. Điều này có nghĩa là mỗi dân tộc có một đặc điểm tâm lí riêng, mang tính chất xã hội, lịch sử.

Đặc điểm quá trình nhận thức của HS dân tộc, miền núi: bao gồm những yếu tố đã ổn định và những yếu tố mới hình thành và phát triển trong quá trình dạy học và giáo dục. Các nét tâm lí như ý chí rèn luyện, óc quan sát, trí nhớ, tính kiên trì, tính kỷ luật của HS